**Bài 18: THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ**

**(3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

*a. Năng lực* *lịch sử và địa lí*

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên, ví dụ: địa hình, khí hậu,đất và sông ngòi...ở vùng Nam Bộ.

- Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân Nam Bộ.

*b. Năng lực chung*

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sưu tầm và giới thiệu được một số thông tin liên quan đến nội dung bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý, trình bày cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**2. Phẩm chất**

- Yêu nước: Thể hiện được niềm tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên vùng Nam Bộ.

- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

- Trách nhiệm: Có ý thức BVMT tự nhiên và các sản phẩm do con người tạo ra.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK, bảng phụ A2 và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  *a. Mục tiêu*  + Kết nối kiến thức đã biết với kiến thức trong bài mới  + Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.  *b. Cách tiến hành* | |
| - GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát bức ảnh trang 95, trả lời các câu hỏi:  *1. Quan sát và mô tả những gì em thấy trong bức ảnh?*  *E:\tải về\image.png2. Theo em, những cảnh vật này thể hiện nét đặc trưng của vùng đất nào ở nước ta?*  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi  - GV nhận xét, biểu dương HS và dẫn vào bài mới. | - HS đọc thông tin  - HS làm việc cá nhân.  - CH1: Em quan sát thấy cây cối, con sông, người chèo thuyền, cây cầu...  - CH2: Vùng sông nước, Nam Bộ...  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  ***2.1. Vị trí địa lí* (Tiết 1)**  **HĐ1: Tìm hiểu về vị trí địa lí vùng Nam Bộ**  *a. Mục tiêu:* Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ  *b. Cách tiến hành* | |
| - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2 để hoàn thành nhiệm vụ: *Quan sát hình 1, em hãy:*  *+ Chỉ ranh giới của vùng Nam Bộ.*  *+ Cho biết vùng Nam Bộ giáp với vùng nào, quốc gia nào?*  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung về nội dung và cách chỉ bản đồ.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, kết luận: Vùng Nam Bộ ở phía nam nước ta; phía đông, nam và tây nam giáp biển. Vùng gồm hai phần là Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. | - HS lắng nghe.  - HS làm việc cá nhân.  - Đại diện một số cặp trình bày kết quả thảo luận, chỉ bản đồ về vị trí địa lí của vùng Nam Bộ  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| ***2.2. Đặc điểm thiên nhiên***  **HĐ2: Tìm hiểu địa hình vùng Nam Bộ**  *a. Mục tiêu:* Trình bày được đặc điểm địa hình của vùng Nam Bộ.  *b. Cách tiến hành* | |
| - GV cho HS đọc thông tin và quan sát hình 1, 2, 3 SGK.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4, thảo luận và hoàn thành 2 nhiệm vụ:  + Chỉ và đọc tên một số núi và vùng đất ngập nước ở vùng Nam Bộ.  + Trình bày đặc điểm địa hình của vùng Nam Bộ.  - GV mời các nhóm chia sẻ.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương, tổng kết:  + Đông Nam Bộ: địa hình cao hơn Tây Nam Bộ; địa hình chủ yếu là đồi thoải, đồng bằng...  + Tây Nam Bộ: địa hình thấp, bằng phẳng, nhiều vùng đất ngập nước, chịu ảnh hưởng mạnh của biển. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS thảo luận nhóm 4, thực hiện các nhiệm vụ học tập.  + Núi Bà Đen, núi Chứa Chan, núi Bà Rá,  Vùng đất ngập mặn: Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau, …  + Đông Nam Bộ có địa hình cao hơn Tây Nam Bộ; đồi thoải lượn sóng và đồng bằng chiếm phần lớn diện tích...  Tây Nam Bộ địa hình bằng phẳng và thấp, nhiều vùng đất ngập nước. Vùng ven biển có nhiều bãi đất thấp chịu ảnh hưởng mạnh của biển.  - Đại diện các nhóm lên chia sẻ, kết hợp chỉ bản đồ.  - HS lắng nghe, nhận xét.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **HĐ3: Tìm hiểu sông ngòi vùng Nam Bộ (Tiết 2)**  *a. Mục tiêu*  - Trình bày được đặc điểm sông ngòi của vùng Nam Bộ.  - Xác định được một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.  *b. Cách tiến hành* | |
| - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2 để hoàn thành nhiệm vụ: *Đọc thông tin và* q*uan sát hình 1, em hãy:*  + Chỉ và đọc tên một số sông lớn ở vùng Nam Bộ.  + Trình bày đặc điểm sông ngòi ở vùng Nam Bộ.  - Gọi đại diện các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức:  + Đông Nam Bộ: ít sông hơn Tây Nam Bộ, sông lớn nhất ở đây là sông Đồng Nai. Nơi đây có các hồ nhân tạo lớn như: hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An.  + Tây Nam Bộ: mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, hai sông lớn là sông Tiền và sông Hậu ( thuộc hạ lưu sông Mê Công).  (Nội dung này, GV có thể tổ chức theo PPDH dự án, sơ đồ tư duy...) | - HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm 2.  + Sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông, Sông Vàm Cỏ Tây, sông Tiền, sông Hậu...  + Đông Nam Bộ ít sông ngòi hơn Tây Nam Bộ,....  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả, chỉ bản đồ về các sông lớn, hồ lớn.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **HĐ 4: Tìm hiểu về đất ở vùng Nam Bộ**  *a. Mục tiêu:* Trình bày được đặc điểm đất ở vùng Nam Bộ  *b. Cách tiến hành* | |
| - Yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:  Trình bày đặc điểm đất ở vùng Nam Bộ?  - Gọi HS trình bày.  - Mời HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung để HS thấy được sự khác nhau về đất giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. | - Lắng nghe.  Vùng Nam Bộ có nhiều loại đất khác nhau.  Đông Nam Bộ: chủ yếu là đất đỏ badan và đất xám. Tây Nam Bộ có 3 loại đất chính: đất phù sa, đất phèn và đất mặn...  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe. |
| **2.3. Ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt (Tiết 3)**  **HĐ 5: Tìm hiểu những ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.**  *a. Mục tiêu:* Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.  *b. Cách tiến hành* | |
| - Gọi HS đọc thông tin, quan sát hình 4, 5 SGK.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 6, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ:  *Nêu ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ*  GV gợi ý HS tìm những thuận lợi, khó khăn của thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.  - GV mời các nhóm chia sẻ.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:  + Thuận lợi: Đất màu mỡ, khí hậu nóng quanh năm, mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều dầu mỏ và khí tự nhiên…  + Khó khăn: Mùa khô kéo dài, xâm nhập mặn.  - GV cho HS xem video về về xâm nhập mặn ở ĐB sông Cửu Long và chia sẻ cảm nhận của các em.  <https://www.youtube.com/watch?v=xGDBQmtbUkU>  hoặc https://www.youtube.com/watch?v=0-y8bMGGAo0  (Lưu ý: Nếu HS ở vùng Nam Bộ, GV có thể cho HS nêu những dẫn chứng cụ thể về những thuận lợi, khó khăn của thiên nhiên nơi đây) | - HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm 6.  - Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS theo dõi và chia sẻ cảm nhận. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Luyện tập**  *a. Mục tiêu:* Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học trong bài.  *b. Cách tiến hành* | | |
| - Tổ chức cho HS làm việc nhóm 6, hoàn thành các câu hỏi phần Luyện tập trang 98 SGK.  - HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung nội dung cần thiết.  + Câu 1: Đại diện 2 nhóm tham gia trò chơi “**Ai nhanh hơn?**” cùng lên bảng viết tên các sông; các nhóm còn lại theo dõi, chấm điểm.  + Câu 2: Đại diện hai nhóm trình bày kết quả (Trình bày ở giấy A2), các nhóm khác nhận xét và bổ sung câu trả lời  + Câu 3: Đại diện một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung câu trả lời.  - GV biểu dương các nhóm trả lời đúng và sáng tạo. | - Thảo luận nhóm 6.  - Các nhóm tham gia, trình bày.  - Lắng nghe. | |
| **4. Vận dụng**  *a.**Mục tiêu:* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.  *b. Cách tiến hành* | | |
| - GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ (thực hiện ở nhà và trình bày kết quả)  - Đại diện nhóm HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, biểu dương, chuẩn xác kiến thức.    - Nhận xét, tuyên dương học sinh.  - GV cũng có thể giới thiệu thêm cho HS một số hình ảnh về việc khắc phục hiện tượng nước, đất bị nhiễm mặn (nếu còn thời gian).  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò học sinh. | | - HS lắng nghe  - Học sinh chia sẻ trước lớp  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

|  |
| --- |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. |

---------------------------------------------------